

16.01.02

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-ĐHHL

Ninh Bình, ngày ... tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Hoa Lư

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-TTg, ngày 09/04/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT, ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản Hội nghị Ban chỉ đạo chuyển đổi đào tạo theo tín chỉ họp ngày 20/3/2015 và Kết luận Hội nghị Ban Giám hiệu họp ngày 23/3/2015;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo chuyển đổi đào tạo theo tín chỉ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Hoa Lư.

Điều 2. Quy định này được áp dụng kể từ khóa tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2015.

Điều 3. Trưởng các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Xuân Giang

QUY ĐỊNH

Đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1041/QĐ-DHHL,
ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư)

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Hoa Lư, bao gồm các nội dung về: tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng tại trường Đại học Hoa Lư từ khoá tuyển sinh năm 2015.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện trình độ đào tạo, đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp, mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp, khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập, kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế (tiến trình đào tạo), phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình được trường Đại học Hoa Lư xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu ngành chính - ngành phụ; kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ thông tin giảng viên, số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần. Đề cương chi tiết học phần được giảng viên hoặc nhóm giảng viên xây dựng theo quy định chung, được bộ môn thẩm định và

nhà trường phê duyệt và được công bố cho sinh viên chậm nhất một tuần trước khi giảng dạy; đề cương chi tiết học phần được lưu trữ tại khoa, bộ môn và phòng Đào tạo - QLKH.

4. Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư ký quyết định ban hành các chương trình với khối lượng không dưới 100 tín chỉ cho khóa cao đẳng 3 năm, 130 tín chỉ cho khóa đại học 4 năm, 160 tín chỉ cho khóa đại học 5 năm để triển khai thực hiện trong trường.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ thiết kế theo năm học và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy. Trong số các học phần bắt buộc, có một số học phần cốt lõi. Học phần cốt lõi có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong chương trình. Các học phần cốt lõi được bố trí chủ yếu trong 5 học kỳ đầu của chương trình cao đẳng, 7 học kỳ đầu của chương trình đại học 4 năm và 8 học kỳ đầu của chương trình đại học 5 năm.

c) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết, thảo luận, phụ đạo hoặc thực hành, thí nghiệm, ngoài số tiết học trên lớp sinh viên còn cần được giao thêm các công việc cá nhân để bảo đảm cho mỗi tín chỉ phải tương ứng với ít nhất 45 tiết/giờ làm việc.

Số tiết, số giờ đối với từng học phần cụ thể do bộ môn đề nghị, Hiệu trưởng quyết định và được ghi trong chương trình, đề cương chi tiết học phần và trong sổ đăng ký học tập.

4. Thời gian một tiết học là 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 7h00 (mùa hè) và 7h15' (mùa đông) đến 20h hàng ngày, kể cả thứ 7 và chủ nhật (nếu có). Trường phòng Đào tạo - QLKH sắp xếp thời khoá biểu hàng ngày cho toàn trường, căn cứ vào số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học cho mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký);

2. Điểm trung bình chung (TBC) học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần;

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá bằng các điểm từ 4 trở lên theo thang điểm 10 (điểm D trở lên) tính từ đầu khóa học;

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần được đánh giá bằng các điểm từ 4 trở lên theo thang điểm 10 (điểm D trở lên) mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Điều 6. Hệ thống cố vấn học tập

Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hệ thống cố vấn học tập của trường Đại học Hoa Lư để bảo đảm công tác quản lý và tư vấn cho tất cả sinh viên trong trường.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 7. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường Đại học Hoa Lư tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tuỳ thuộc chương trình, khoá học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện ba năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; Đào tạo trình độ cao đẳng hệ liên thông chính quy được thực hiện trong một năm rưỡi đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện 4 hoặc 5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương; Đào tạo trình độ đại học liên thông chính quy được thực hiện từ 2 năm rưỡi đến 3 năm đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính (học kỳ I và học kỳ II), mỗi học kỳ có 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài các học kỳ chính là kỳ học hè để tạo điều kiện cho sinh viên được học lại, học bù hoặc học vượt. Học kỳ hè có 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Trường Đại học Hoa Lư tổ chức tuyển sinh sau khi kết thúc năm học. Một năm học có một kỳ tuyển sinh. Căn cứ vào các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình thực tế của địa phương và của nhà trường, Hiệu trưởng có thể quyết định tuyển sinh hai kỳ trong một năm học nếu cần thiết.

3. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Trường phòng đào tạo - QLKH dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ trình Hiệu trưởng phê duyệt.

4. Thời gian hoàn thành chương trình tối đa là gấp đôi thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này. Sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy, sinh viên Lào theo chương trình hợp tác giữa tỉnh Udômxay và tỉnh Ninh Bình không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 8. Đăng ký nhập học

1. Khi nhập học, sinh viên phải nộp cho phòng Công tác sinh viên và phòng Đào tạo - QLKH các giấy tờ theo quy định tại Quy chế học sinh - sinh viên và Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ này phải

được xếp các vào túi hồ sơ của từng cá nhân, hồ sơ sinh viên do phòng Công tác sinh viên quản lý và hồ sơ trúng tuyển do phòng Đào tạo – QLKH của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng Đào tạo - QLKH trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường. Sinh viên chính thức được cấp các giấy tờ sau:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Sổ đăng ký học tập.
- c) Phiếu nhận cổ vấn học tập

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và dự kiến kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 9. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Trường Đại học Hoa Lư xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh.

2. Căn cứ vào nguyện vọng của sinh viên và số học phần bắt buộc có trong mỗi chương trình, phòng Đào tạo-QLKH sắp xếp sinh viên trúng tuyển vào các lớp học ổn định.

Điều 10. Tổ chức lớp học

Lớp học của sinh viên được tổ chức dưới hai hình thức:

- Lớp học ổn định được tổ chức theo nhóm các học phần bắt buộc của từng chương trình ở mỗi học kỳ theo khóa tuyển sinh và theo ngành đào tạo, duy trì trong cả khóa học, có mã số riêng, có hệ thống cán bộ lớp, cán bộ Đoàn, Hội sinh viên. Mỗi lớp do 01 cổ vấn học tập phụ trách.

- Lớp học độc lập được tổ chức cho từng học phần không phải cốt lõi hoặc học phần cốt lõi dạy ở kỳ học hè, dựa vào đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Số lượng tối thiểu để mở lớp là 15 sinh viên. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ. Trường hợp đặc biệt Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên/lớp.

Điều 11. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trên cơ sở đề xuất của các khoa, bộ môn nhà trường xây dựng và thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ ít nhất hai tuần trường công bố sổ đăng ký học tập, trong đó quy định thời khoá biểu của các lớp học ổn định theo nhóm học phần bắt buộc và các lớp học độc lập theo từng học phần riêng biệt, thời gian biểu đăng ký học và lịch trình thi kết thúc học phần.

Đăng ký học tập là việc làm bắt buộc đối với sinh viên trước khi tham gia một học kỳ mới. Sinh viên chủ động lựa chọn đăng ký các học phần lớp học cho phù hợp với bản thân trên cơ sở tư vấn, hướng dẫn của cố vấn học tập.

Trừ một số trường hợp ngoại lệ được Hiệu trưởng cho phép, sinh viên bắt buộc phải tham dự đầy đủ các học phần ở lớp học ổn định của mình. Ngoài ra, căn cứ vào sổ đăng ký học tập, từng sinh viên phải đăng ký học bổ sung các học phần không phải bắt buộc với phòng Đào tạo - QLKH của trường để bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu. Những sinh viên muốn học lại, học chậm hoặc học trước còn phải đăng ký cả những học phần bắt buộc ở các lớp học ổn định khác.

Có 2 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

b) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ hè cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 16 tín chỉ trong đó có cả các học phần cốt lõi cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ trong đó có cả các học phần cốt lõi cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở kỳ học hè.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 15 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể. Việc đăng ký các học phần thực tập (kể cả thực tập tốt nghiệp) và thí nghiệm tách riêng cũng tuân theo quy trình như các học phần bình thường.

6. Phòng Đào tạo - QLKH của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong phiếu đăng ký học tập. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ được ghi vào biểu đăng ký học do phòng Đào tạo - QLKH của trường lưu giữ.

Điều 12. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 4 tuần kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá 6 tuần; sau 1 tuần kể từ đầu kỳ học hè, nhưng không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần nào sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0 cho học phần đó.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo - QLKH và chịu nộp tiền phạt theo quy định của trường;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận;

c) Không vi phạm khoản 3 Điều 11 của Quy định này.

Sinh viên chỉ được phép rời khỏi lớp đối với học phần xin rút bớt sau khi giảng viên phụ trách nhận được giấy báo của phòng Đào tạo - QLKH.

Điều 13. Đăng ký học lại hoặc học đổi khi có kết quả kém

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm dưới 4 (điểm F) phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm từ 4 (điểm D) trở lên. Sinh viên được ưu tiên đăng ký sớm học lại các học phần bắt buộc.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm dưới 4 (điểm F) phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký thi lại (nếu chưa hết quyền thi) hoặc học lại hay học đổi sang học phần khác (nếu đã hết quyền thi) đối với các học phần bị điểm từ 4 hoặc điểm 5 (điểm D) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

4. Khi đã có điểm học phần mới thay thế, điểm học phần cũ sẽ bị huỷ.

5. Thủ tục đăng ký học, số lần đánh giá bộ phận và thi kết thúc học phần đối với học phần học lại cũng giống như đối với một học phần mới.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

Đối với sinh viên hệ cao đẳng:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 32 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 33 tín chỉ đến dưới 64 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba : Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 65 trở lên;

Đối với sinh viên hệ đại học:

- a) Sinh viên năm thứ nhất: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 32 tín chỉ;
- b) Sinh viên năm thứ hai: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 33 tín chỉ đến dưới 64 tín chỉ;
- c) Sinh viên năm thứ ba : Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 65 tín chỉ đến dưới 96 tín chỉ
- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 96 tín chỉ đến đến 130 tín chỉ
- đ) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 130 tín chỉ trở lên .

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 5,50 trở lên;
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 5,50 nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong kỳ học hè được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ 2 (học kỳ kế trước kỳ học hè) để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học

1. Nghỉ ốm:

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương, hoặc của bệnh viện.

2. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng thông qua phòng Công tác sinh viên xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế cấp huyện trở lên;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 5,50. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi sinh viên cư trú gửi Hiệu trưởng qua phòng Công tác sinh viên ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới và được chấp nhận.

Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, ngừng học và buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu rơi vào một trong các trường hợp sau (tính theo thang điểm 10):

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 3,50 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 4,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 4,50 đối với 2 học kỳ liên tiếp;

b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 4,50 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 4,70 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 4,90 đối với sinh viên năm thứ ba; dưới 5,10 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa.

c) Tổng số tín chỉ của các học phần có điểm dưới 4 (điểm F) còn tồn đọng từ đầu khóa học tính đến thời điểm xét đã vượt quá 24 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ sinh viên phải ngừng học hoặc bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Bị cảnh báo kết quả học tập ba lần liên tiếp hoặc quá 4 lần cảnh báo kết quả học tập trong toàn khóa học.

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy định này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy, sinh viên Lào theo chương trình hợp tác giữa tỉnh Udômxay và tỉnh Ninh Bình không áp dụng mục a và mục b, khoản 2, Điều này.

4. Chậm nhất một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường Đại học Hoa Lư hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc có các chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở đề xuất của Trường phòng Đào tạo - QLKH.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

- a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;
- b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;
- c) Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất.
- d) Các khoa tập hợp, chuyển đơn của sinh viên về Phòng Đào tạo - QLKH ngay sau học kỳ 1 của năm thứ nhất. Phòng Đào tạo - QLKH trình Hiệu trưởng quyết định danh sách sinh viên và kế hoạch (lịch trình) học chương trình thứ hai.

3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu sẽ không được đăng ký học các học phần thuộc chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

Điều 18. Sinh viên chuyển trường

1. Sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học khác được xét chuyển vào trường Đại học Hoa Lư và ngược lại nếu thoả mãn các điều kiện sau đây:

a) Cùng trình độ và cùng ngành (hoặc cùng nhóm ngành) với ngành đào tạo tại trường Đại học Hoa Lư;

b) Được Hiệu trưởng trường xin chuyển đi chấp nhận;

c) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung nhưng không trúng tuyển vào trường Đại học Hoa Lư, hoặc có kết quả thấp hơn điểm trúng tuyển của trường Đại học Hoa Lư.

b) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

c) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường đối với sinh viên chuyển đến Đại học Hoa Lư:

a) Sinh viên chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Phòng Công tác sinh viên phối hợp với các đơn vị xử lý hồ sơ, đề xuất với Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và chương trình hiện tại của trường đại học Hoa Lư.

c) Sinh viên xin chuyển đi khỏi trường Đại học Hoa Lư phải làm đầy đủ hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

Chương III KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành, điểm đánh giá học phần gồm:

1.1 Các loại điểm bộ phận:

- Điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập: Là điểm kiểm tra đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra miệng hoặc kiểm tra viết...vv .

Số lượng các bài kiểm tra thường xuyên của các học phần được quy định như sau:

- + Các học phần có 1 tín chỉ: không có bài kiểm tra thường xuyên
- + Các học phần có 2 - 3 tín chỉ: có 1- 2 bài kiểm tra thường xuyên.
- + Các học phần có 4 - 6 tín chỉ : có 2 - 3 bài kiểm tra thường xuyên

- Điểm chuyên cần: điểm chuyên cần được tính như sau:

Điểm số	5	6	7	8	9	10
Tiêu chí						
Số tiết thực học	80-85%	86-90%	91-95%	96-99%	100%	100%
Số lần đi muộn được phép	≤ 5	≤ 4	≤ 3	≤ 2	≤ 1	0

Ghi chú: Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần, không được dự thi kết thúc học phần đó ở kỳ thi chính và phải đăng ký học

lại đối với học phần bắt buộc, đối với học phần tự chọn phải học lại hoặc chuyển sang học phần tự chọn tương đương khác. Những sinh viên có số lần đi muộn vượt quá số lần được phép thì điểm đánh giá chuyên cần bị trừ 1,0 điểm. Điểm chuyên cần phải đạt từ 5,0 trở lên thì sinh viên mới được phép dự thi học phần.

- Điểm giữa học phần: Là điểm của bài thi giữa học phần (có thể thi viết, trắc nghiệm hoặc bài tập vận dụng...). Nếu là thi viết thì thời gian làm bài là 1 tiết (50) phút.

- Điểm thi kết thúc học phần.

1.2 Cách tính điểm đánh giá học phần

- Quy định về hệ số:

+ Các điểm kiểm tra thường xuyên, chuyên cần, được tính hệ số 1.

Điểm kiểm tra giữa học phần được tính hệ số 2; điểm thi kết thúc học phần được tính hệ số 5.

- Cách tính điểm đánh giá học phần:

$$\text{Điểm đánh giá học phần} = \frac{A + 2.B + 5.C}{8}$$

Trong đó: A là điểm trung bình cộng của các điểm hệ số 1

B là điểm hệ số 2 (điểm thi giữa học phần)

C là điểm hệ số 5 (điểm thi kết thúc học phần)

Các điểm hệ số 1, hệ số 2, hệ số 5 và điểm đánh giá học phần được lấy đến một chữ số thập phân.

2. Đối với các học phần thực hành:

Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Mỗi tín chỉ thực hành phải có ít nhất 4 lần đánh giá. Điểm trung bình cộng của các điểm bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Việc đánh giá các loại điểm bộ phận, điểm giữa học phần, điểm đánh giá học phần thực hành, bao gồm cả các bài thực hành do giảng viên giảng dạy trực tiếp đánh giá. Việc thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng và Quy chế đào tạo theo tín chỉ do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên

không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm dưới 4 (điểm F) sau kỳ thi chính và được tổ chức sau kỳ thi chính ít nhất hai tuần.

2. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có 80% số giờ trở lên học trên lớp và điểm chuyên cần đạt 5,0 trở lên;
- Thực hiện đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá bắt buộc theo quy định của học phần. Nếu sinh viên vắng mặt trong các lần kiểm tra thì được tính điểm 0.

- Không vi phạm kỷ luật học tập, nội quy của nhà trường từ mức cảnh cáo trở lên.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng học phí theo quy định.

3. Chậm nhất là 5 ngày trước khi tổ chức thi kết thúc học phần, giảng viên lập danh sách xét điều kiện dự thi kết thúc học phần trình trưởng môn và lãnh đạo khoa, bộ môn phê duyệt và công bố cho sinh viên, gửi về phòng Đào tạo - QLKH và phòng Khảo thí - ĐBCL.

4. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần nhận điểm 0 và phải đăng ký học lại học phần đó. Lịch thi kết thúc học phần được công bố trong Sổ tay sinh viên biên soạn cho từng học kỳ.

5. Phòng Khảo thí - ĐBCL phối hợp với các khoa, bộ môn trong việc tổ chức thi kết thúc học phần.

Điều 21. Khiếu nại điểm và sửa điểm

1. Đối với các điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên và giữa học phần: sinh viên khiếu nại trực tiếp với giảng viên trong vòng 5 ngày tính từ lúc công bố điểm.

2. Đối với điểm thi kết thúc học phần:

Trong thời hạn 3 ngày sau khi được thông báo kết quả thi kết thúc học phần, sinh viên được quyền làm đơn xin phúc khảo điểm thi gửi khoa quản lý, các khoa tập hợp đơn phúc khảo gửi về phòng Khảo thí - ĐBCL. Phòng Khảo thí - ĐBCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị khoa, bộ môn thực hiện việc chấm phúc khảo điểm bài thi cho sinh viên. Kết quả phúc khảo được thông báo cho sinh viên và các đơn vị liên quan chậm nhất là 5 ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn xin phúc khảo.

3. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm truy nhập từ hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (thể hiện trên trang Web hoặc trên bảng điểm), sinh viên có trách nhiệm làm đơn đề nghị phòng Đào tạo -

QLKH kiểm tra lại các điểm tương ứng. Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo ký xác nhận thay đổi điểm (nếu có) sau khi phòng Đào tạo xác định rõ nguyên nhân và trình đầy đủ hồ sơ cần thiết.

Điều 22. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Thời gian ôn thi cho mỗi tín chỉ từ 2/3 ngày trở lên. Thời gian làm bài thi được quy định như sau:

Khối lượng kiến thức	Thời gian làm bài thi		Ghi chú
	Đề tự luận	Đề trắc nghiệm	
1 tín chỉ	60 phút	30 phút trở lên	Nếu kết hợp thi trắc nghiệm và tự luận thì thời gian thi tính theo đề tự luận
2 tín chỉ	90 phút		
3 tín chỉ	120 phút	60 phút trở lên	
4 tín chỉ trở lên	120 phút		

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng phê duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần trên cơ sở đề nghị của Trường phòng Khảo thí – ĐBCL và trường các khoa, bộ môn.

3. Đối với hình thức thi là viết tiểu luận hoặc làm bài tập lớn thì sinh viên phải có đủ các điều kiện sau:

- Học được 70% số tiết của học phần trở lên;
- Điểm trung bình chung kiểm tra thường xuyên đạt 8,0 trở lên trong đó không có điểm nào dưới 7;

Sinh viên có đủ các điều kiện trên phải đăng ký làm đề cương do giảng viên hướng dẫn, được Trưởng môn phê duyệt, khoa/bộ môn trực thuộc trường báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt chậm nhất 30 ngày khi tổ chức thi học phần (qua phòng Đào tạo - QLKH). Mỗi giảng viên được hướng dẫn tối đa 5 bài tập/học kỳ, mỗi sinh viên được làm tối đa là 2 bài tập/học kỳ.

4. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

5. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành bốn bản: một bản lưu tại khoa/bộ môn, một bản gửi về phòng Đào tạo, một bản gửi phòng Khảo thí - ĐBCL và một bản gửi đơn vị quản lý sinh viên, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có). Trường hợp không có kỳ thi phụ thì phải dự thi vào học kỳ hè hoặc các học kỳ sau.

7. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính nếu được trưởng khoa cho phép thì được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có) và được coi là thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc không đạt trong kỳ thi phụ hoặc không đạt trong kỳ thi phụ thì những sinh viên này phải dự thi tại học kỳ hè hoặc các kỳ sau.

Điều 23. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được lấy đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần cũng tính theo thang điểm 10 và lấy đến một chữ số thập phân được đánh giá và quy đổi sang điểm chữ và thang điểm 4 như sau:

a) Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10

Xếp loại		Thang điểm 10
a. Đạt (*)	Xuất sắc	Từ 9.0 đến 10.0
	Giỏi	Từ 8.5 đến 8.9
	Khá	Từ 7.0 đến 8.4
	TB khá	Từ 6.5 đến 6.9
	Trung bình	Từ 5.5 đến 6.4
	Yếu	Từ 4.0 đến 5.4
b. Không đạt	Kém	Dưới 4,0

(*) Riêng điểm học phần thực tập và khóa luận tốt nghiệp, điểm đạt yêu cầu từ 5,5 (thang điểm 10) hoặc từ C trở lên.

b) Quy đổi giữa thang điểm 10 với điểm chữ và thang điểm 4

Thang điểm 10	Điểm chữ	Thang điểm 4
Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Dưới 4	F	0,0

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá sẽ sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm số (từ 0 đến 10) được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do, phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm 0 ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm 0.

5. Việc xếp loại ở mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trường khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trường khoa chấp thuận. Trừ trường hợp a, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển thành điểm số. Nếu không hoàn thành sinh viên phải nhận điểm 0 đối với các điểm đánh giá bộ phận còn thiếu.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo – QLKH của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên. Điểm này cần phải được chuyển thành điểm số trước khi bắt đầu học kỳ mới.

7. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm đạt điểm D trở lên (từ 4 đến 10) trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;

b) Những học phần được công nhận kết quả khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 24. Cách tính điểm trung bình chung

1. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được lấy theo thang điểm 10.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i

n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

n là tổng số học phần.

3. Không sử dụng điểm của các học phần giáo dục quốc phòng-an ninh và giáo dục thể chất khi tính điểm trung bình chung.

4. Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 25. Làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ I của năm học cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp: sinh viên có đủ các điều kiện sau đây có thể được xem xét cho đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp:

+ Điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 7,00 trở lên trong 3 năm đầu đối với đại học và 2 năm đầu đối với cao đẳng. Các tín chỉ học lại không quá 5% tổng số tín chỉ đã tích lũy ở thời điểm được xét.

+ Không vi phạm kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

Đồ án, khoá luận tốt nghiệp được xem là học phần có khối lượng không quá 6 tín chỉ cho chương trình cao đẳng, 8 tín chỉ cho chương trình đại học 4 năm và 12 tín chỉ cho chương trình đại học 5 năm;

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể trong một văn bản riêng về:

a) Các điều kiện cụ thể khác (nếu có) để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khoá luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

c) Hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 26. Chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp do các khoa đề nghị, phòng Đào tạo - QLKH tổng hợp. Việc chấm mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên trở lên đảm nhiệm, trong đó có một người là giảng viên hướng dẫn.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 làm tròn theo quy định tại các khoản 1 và 2, Điều 23 của Quy định này. Kết quả chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm dưới 4 không được đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp mà phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được viết đơn gửi phòng đào tạo đề nghị trường xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định bởi chương trình đào tạo;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học (theo mỗi chương trình) đạt từ 5,50 trở lên;

d) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và chứng chỉ giáo dục thể chất.

2. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

3. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng Đào tạo - QLKH làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng Công tác sinh viên.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 9,00 đến 10,00;

b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 8,00 đến 8,99;

c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 7,00 đến 7,99;

d) Loại trung bình khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 6,25 đến 6,99;

e) Loại trung bình : Điểm trung bình chung tích lũy từ 5,50 đến 6,24.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại hoặc học đổi vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ, nếu có.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 28 của Quy định này đối với một số chương trình tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng-an ninh và các học phần giáo dục thể chất nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận của trường về các học phần đã học trong chương trình. Những sinh viên này có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Quy định này.

Chương V

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy định, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo các đơn vị phòng, khoa, bộ môn, tổ chuyên môn triển khai quy định này đến toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên của đơn vị.

2. Các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện có sự phối hợp chặt chẽ để hoàn thành tốt các nội dung của Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những phát sinh, vướng mắc, các đơn vị báo cáo kịp thời để Hiệu trưởng xem xét, giải quyết (qua phòng Đào tạo - QLKH).

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Quy định này được áp dụng đối với khóa tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2015, được thực hiện từ học kỳ 1, năm học 2015 – 2016.

2. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định do Hiệu trưởng quyết định.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Xuân Giang

Số: 655/QĐ-DHHL

Ninh Bình, ngày 21 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần
đối với sinh viên Đại học, Cao đẳng chính quy
theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Hoa Lư

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-TTg, ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-ĐHHL, ngày 31/3/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ;

Căn cứ tình hình thực tế;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần đối với sinh viên Đại học, Cao đẳng chính quy theo học chế tín chỉ của Trường Đại học Hoa Lư.

Điều 2. Quy định này được áp dụng kể từ năm học 2016- 2017. Các quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trường phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, KT&ĐBCL.



PGS, TS Lê Xuân Giang